

Số: 176/QĐ-NTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố chuẩn đầu ra ngành Kiến trúc (8580101)
trình độ Thạc sĩ của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐT ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ biên bản đã được thông qua của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ Thạc sĩ ngày 15 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đã được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Nguyễn Tất Thành;

Theo đề nghị của Viện Trường Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố chuẩn đầu ra trình độ Thạc sĩ đối với ngành Kiến trúc (8580101) của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành.



(Nội dung của từng chuẩn đầu ra và điều kiện tốt nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt được khi tốt nghiệp, nội dung bao gồm: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; vị trí làm việc mà người học có thể đảm nhận; khả năng học tập nâng cao trình độ và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng ngành đào tạo.

Điều 3. Chuẩn đầu ra ngành Kiến trúc được công bố công khai tại địa chỉ: <https://saudaihoc.ntt.edu.vn>.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng cho chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2024.

Điều 5. Chánh Văn phòng trường, Viện trưởng Viện Thiết kế và Kinh doanh sáng tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐT (để b/cáo);
- BGH (để b/cáo);
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, SDH (NVVA).

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Ái Cẩm



CHUẨN ĐẦU RA

NGÀNH: KIẾN TRÚC - MÃ NGÀNH: 8580101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-NTT ngày 29 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: **Kiến trúc**
- Tên tiếng Anh: **Architecture**

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

3. Định hướng đào tạo: Nghiên cứu Ứng dụng

4. Khoá học áp dụng: Từ năm học 2023 - 2024

5. Thời gian đào tạo: 24 tháng

6. Tổng số tín chỉ/ khoá: 60 tín chỉ

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, học viên tốt nghiệp có thể:

- **PEO1:** Làm chủ được các kiến thức lý thuyết và thực tế sâu rộng trong lĩnh vực kiến trúc; có khả năng vận dụng kiến thức tham gia vào các dự án kiến trúc, xây dựng từ công tác lý luận, nghiên cứu, thiết kế kiến trúc đến các hoạt động xây dựng và quản lý kiến trúc. Có khả năng áp dụng các tiến bộ của khoa học công nghệ vào lĩnh vực kiến trúc, góp phần đáp ứng các nhu cầu cơ bản của phát triển đất nước bền vững, kể cả kinh tế, xã hội và môi trường.

- **PEO 2:** Thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học, có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và làm việc tập thể. Có thể vận dụng những kiến thức tiên tiến để phân tích, đánh giá, phê bình cũng như đề xuất các giải pháp lý thuyết và thực tiễn cho lĩnh vực kiến trúc. Có khả năng vận dụng các kinh nghiệm tiên tiến trên thế giới và áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam để đề xuất những giải pháp hợp lý cho phát triển nền kiến trúc nước nhà.

- PEO 3: Có phẩm chất chính trị và đạo đức tư cách tốt; có thái độ và trách nhiệm đúng đắn với công việc chuyên môn thực hiện, với các tổ chức nghề nghiệp, với cộng đồng xã hội và đất nước nói chung cũng như ý thức bảo vệ môi trường toàn cầu trong đó có tác động của biến đổi khí hậu.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

| Thạc sĩ Kiến trúc | |
|--|---|
| Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể: | |
| Kiến thức | |
| PLO1 K1 | Sử dụng kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến; Sử dụng các lý thuyết và nguyên tắc cơ bản vào lĩnh vực kiến trúc, từ phê bình kiến trúc, thiết kế môi trường ở và làm việc đến kiến trúc bền vững và quản lý kiến trúc. |
| PLO2 K2 | Sử dụng kiến thức chuyên ngành, liên ngành đào tạo vào thực tiễn; thực hiện mọi yêu cầu cho hoạt động kiến trúc, kể cả bảo tồn tôn tạo di sản đến văn hóa kiến trúc theo xu hướng phát triển bền vững. |
| PLO3 K3 | Sử dụng kiến thức chung về quản trị và quản lý trong công tác thực tiễn. |
| Kỹ năng | |
| PLO4 S1 | Hoàn thành các kỹ năng nghiên cứu khoa học trong phân tích, tổng hợp và thực hiện các giải pháp kiến trúc thích hợp trong điều kiện Việt Nam. |
| PLO5 S2 | Thích ứng cách làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng truyền đạt tri thức các vấn đề chuyên môn và khoa học với mọi đối tượng. |
| PLO6 S3 | Kiểm soát việc sử dụng sáng tạo và nghiên cứu phát triển các chương trình và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kiến trúc. |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| PLO7 A1 | Hoàn thành công tác quản lý, giải quyết và cải tiến các hoạt động chuyên môn. |
| PLO8 A2 | Phát triển trong nghiên cứu, học tập, có thể đưa ra những sáng kiến quan trọng và sắp xếp để người khác cùng thực hiện. Có tinh thần nâng cao trình độ và học tập suốt đời. |
| PLO9 A3 | Thực hành các quy định của pháp luật; có thái độ và trách nhiệm đúng đắn với nghề nghiệp, cộng đồng và xã hội |

Bảng tổng hợp số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT

| TT | Mã môn học | Tên môn học | PLO | PLO | PLO | PLO | PLO | PLO | PLO | PLO | PL |
|----|------------|---|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|----------|
| | | | 1 K1 | 2 K2 | 3 K3 | 4 S1 | 5 S2 | 6 S3 | 7 A1 | 8 A2 | 09 A3 |
| 1 | 073318 | Triết học | | | | | | | | | |
| 2 | 078584 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Kiến trúc | I | I | I | | | P | I | P | |
| 3 | 076789 | Lý thuyết phê bình kiến trúc | P | P | I | | | I | I | P | |
| 4 | 077251 | Tổ chức môi trường nhà ở | P | | I | I | P | P | I | P | |
| 5 | 078565 | Tổ chức môi trường công cộng và nghỉ ngơi | P | | I | | P | P | P | I | I |
| 6 | 078566 | Tổ hợp không gian kiến trúc | P | | I | | P | P | I | I | P |
| 7 | 078567 | Môi trường thẩm mỹ kiến trúc | P | I | | P | P | | P | | |
| 8 | 078568 | Thiết kế đô thị | P | P | I | P | P | | | | P |
| 9 | 078569 | Văn hoá kiến trúc | P | P | I | P | | I | | P | P |
| 10 | 078570 | Bảo tồn di sản kiến trúc | I | P | I | | | P | I | P | |
| 11 | 077249 | Kiến trúc bền vững | P | | | P | P | P | | P | I |
| 12 | 078572 | Đồ án nghiên cứu ứng dụng | P | I | I | | | I | I | | P |
| 13 | 078573 | Xã hội học đô thị | P | P | I | | | I | I | | M |
| 14 | 078574 | Phương pháp luận sáng tạo trong thiết kế kiến trúc | P | P | P | | | P | P | | |
| 15 | 078575 | Tư duy và lý luận kiến trúc đương đại | P | M | | | | I | I | | I |
| 16 | 078576 | Quản lý kiến trúc đô thị | P | I | | P | | I | | P | M |
| 17 | 078640 | Kiến trúc cảnh quan | P | P | I | | M | | I | M | M |
| 18 | 078578 | Kiến trúc hiệu quả năng lượng | P | M | | | P | P | | P | I |
| 19 | 078579 | Hình thành ý tưởng thiết kế | P | I | P | | | | | M | M |
| 20 | 078641 | Hình thái học đô thị | P | P | I | | P | | | I | P |
| 21 | 078581 | Kiến trúc bản địa | | P | P | P | P | | | M | M |
| 22 | 078582 | Thực tập | M | M | M | M | M | M | P | M | M |
| 23 | 078583 | Đề án tốt nghiệp | M | M | M | M | M | M | M | M | M |

3. Các năng lực nghề nghiệp/Năng lực cốt lõi của học viên tốt nghiệp (theo bộ năng lực DACUM)

- C1: Nghiên cứu và Phê bình kiến trúc
- C2: Thiết kế kiến trúc
- C3: Kết nối Kiến trúc với các lĩnh vực khác

Ma trận kết nối các CDR của CTĐT và các năng lực chính yếu của HVTN

| TT | CHUẨN ĐẦU RA | CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HVTN | | |
|----|--------------------------------|------------------------------------|-----|-----|
| | | C.1 | C.2 | C.3 |
| K | KIẾN THỨC | | | |
| | K.1 | ✓ | | |
| | K.2 | | ✓ | |
| | K3 | | ✓ | ✓ |
| S | KỸ NĂNG | | | |
| | S.1 | ✓ | ✓ | |
| | S.2 | | ✓ | ✓ |
| | S3 | ✓ | ✓ | |
| A | NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM | | | |
| | A.1 | ✓ | ✓ | |
| | A.2 | ✓ | ✓ | |
| | A3 | ✓ | ✓ | ✓ |

4. Đối sánh Chuẩn đầu ra với khung trình độ quốc gia

| PLO | Kiến thức | | | Kỹ năng | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
|------|-----------|----|----|---------|----|----|---------------------------|----|----|
| | K1 | K2 | K3 | S1 | S2 | S3 | A1 | A2 | A3 |
| PLO1 | ✓ | | | | | | | | |
| PLO2 | | ✓ | | | | | | | |
| PLO3 | | | ✓ | | | | | | |
| PLO4 | | | | ✓ | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|------|--|--|--|--|---|---|---|---|---|
| PLO5 | | | | | ✓ | | | | |
| PLO6 | | | | | | ✓ | | | |
| PLO7 | | | | | | | ✓ | | |
| PLO8 | | | | | | | | ✓ | |
| PLO9 | | | | | | | | | ✓ |

| Kiến thức | Kỹ năng | Mức tự chủ và trách nhiệm |
|--|--|--|
| <p>K1: Sử dụng kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến; nắm vững các lý thuyết và nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực kiến trúc, từ phê bình kiến trúc, thiết kế môi trường ở và làm việc đến kiến trúc bền vững và quản lý kiến trúc.</p> <p>K2: Sử dụng kiến thức chuyên ngành, liên ngành đào tạo, đáp ứng mọi yêu cầu cho hoạt động kiến trúc, kể cả bảo tồn tôn tạo di sản đến văn hóa kiến trúc theo xu hướng phát triển bền vững.</p> <p>K3: Sử dụng kiến thức chung về quản trị và quản lý trong công tác thực tiễn.</p> | <p>S1: Hoàn thành các kỹ năng nghiên cứu khoa học trong phân tích, tổng hợp và đưa ra các giải pháp kiến trúc thích hợp trong điều kiện Việt Nam.</p> <p>S2: Thích ứng cách làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng truyền đạt tri thức các vấn đề chuyên môn và khoa học với mọi đối tượng.</p> <p>S3: Kiểm soát việc sử dụng sáng tạo và nghiên cứu phát triển các chương trình và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kiến trúc.</p> | <p>A1: Thực hành công tác quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p> <p>A2: Phát triển trong nghiên cứu, học tập, có thể đưa ra những sáng kiến quan trọng và sắp xếp để người khác cùng thực hiện. Có tinh thần nâng cao trình độ và học tập suốt đời.</p> <p>A3: Thực hành các quy định của pháp luật; có thái độ và trách nhiệm đúng đắn với nghề nghiệp, cộng đồng và xã hội</p> |

5. Đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với các trường trong và ngoài nước

| <p>CDR CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</p> | <p>CDR CTĐT ngành Kiến trúc của Trường ĐH Xây dựng Hà Nội</p> | <p>CDR CTĐT ngành KT của Trường ĐH Kiến trúc TPHCM</p> | <p>CDR CTĐT ngành Kiến trúc của Trường ĐH Curtin - Australia</p> | <p>CDR CTĐT ngành Kiến trúc của Trường ĐH Melbourne - Australia</p> | <p>Nhận xét</p> |
|---|---|---|---|---|--|
| <p>Về kiến thức K1: Sử dụng kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến; nắm vững các lý thuyết và nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực kiến trúc, từ phê bình kiến trúc, thiết kế môi trường ở và làm việc đến kiến trúc bền vững và quản lý kiến trúc.</p> | <p>Về kiến thức K1. Về kiến thức chuyên sâu - Có kiến thức thực tế và hiểu được các vấn đề, thách thức và cơ hội của kiến trúc trong bối cảnh đương đại và tương lai; - Được cập nhật, trang bị và hiểu biết các lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kiến trúc, đô thị trên thế giới và tại Việt Nam; - Tăng cường khả năng lý luận, phê bình và phản biện trong kiến trúc trên cơ sở nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu kiến trúc; - Có khả năng nhận dạng và giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong lĩnh</p> | <p>Về kiến thức K1: Vận dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành nâng cao về (1) lịch sử và lý luận thiết kế kiến trúc và (2) về khoa học công nghệ và phát triển bền vững trong thực tiễn và lý luận kiến trúc. K2: Vận dụng</p> | <p>1. Thể hiện sự hiểu biết về ngành kiến trúc, những nền tảng lý thuyết và cách thức tư duy; áp dụng kiến thức chuyên môn cụ thể trong lĩnh vực Thiết kế Kiến trúc, Thực hành Chuyên</p> | <p>• Tạo và giải quyết thiết kế của các công trình nhỏ hoặc các phần của môi trường xây dựng; • Đánh giá công việc, sản phẩm thiết kế của mình liên quan đến các bộ cục không gian chuẩn</p> | <p>Tương đồng: Áp dụng các kiến thức thực tế Khác biệt: Đáp ứng yêu cầu hoạt động của ngành: Bảo tồn di sản, văn hóa kiến trúc, có kiến thức về phương pháp luận sáng tạo</p> |

| | | | | |
|---|--|---|---|--|
| <p>K2: Sử dụng kiến thức chuyên ngành, liên ngành đào tạo, đáp ứng mọi yêu cầu cho hoạt động kiến trúc, kể cả bảo tồn tôn tạo di sản đến văn hóa kiến trúc theo xu hướng phát triển bền vững.</p> <p>K3: Sử dụng kiến thức chung về quản trị và quản lý trong công tác thực tiễn.</p> | <p>vực kiến trúc và các lĩnh vực kiến trúc đô thị khác có liên quan;</p> <p>- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ chuyên ngành kiến trúc hoặc phát triển sang các ngành liên quan thuộc khối ngành kiến trúc, quy hoạch và quản lý kiến trúc, đô thị.</p> <p>K2. Về kiến thức liên ngành</p> <p>- Được trang bị các kiến thức liên ngành có liên quan đến kiến trúc như văn hóa, xã hội, kinh tế, công nghệ, kỹ thuật xây dựng công trình, môi trường... để người học có những hiểu biết sâu rộng sự phối hợp giữa kiến trúc và các ngành có liên quan;</p> <p>- Có khả năng giải quyết một cách hợp lý các vấn đề về kiến trúc trong mối liên quan với những chuyên ngành khác, đảm bảo tính bền vững.</p> <p>K3. Về kiến thức quản trị và quản lý</p> <p>- Được trang bị các kiến thức chung về quản trị và quản lý trong kiến trúc</p> | <p>kiến thức chuyên ngành, liên ngành và kinh nghiệm thực tế trong phân tích, đánh giá, phê bình kiến trúc, các hiện tượng kiến trúc liên quan trong và ngoài nước.</p> <p>K3: Vận dụng kiến thức chung về quản trị và quản lý trong công tác thực tiễn.</p> | <p>nghịệp và Văn hóa Kiến trúc.</p> <p>2. Tư duy một cách phân biện, sáng tạo và suy ngẫm để phân tích và hiểu rõ các nhu cầu cụ thể của các bên liên quan đến kiến trúc nhằm tạo ra các giải pháp đổi mới.</p> | <p>mục khác;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Truyền đạt, trình bày thiết kế của mình và bối cảnh chuyên ngành một cách rõ ràng và chuyên nghiệp. |
|---|--|---|---|--|

| | | | | | |
|---|---|---|--|---|---|
| <p>Về kỹ năng</p> <p>S1: Hoàn thành các kỹ năng nghiên cứu khoa học trong phân tích, tổng hợp và đưa ra các giải pháp kiến trúc thích hợp trong điều kiện Việt Nam.</p> <p>S2: Thích ứng cách làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng truyền đạt tri thức các vấn đề chuyên môn và khoa học với mọi đối tượng.</p> <p>S3: Kiểm soát việc</p> | <p>- Có khả năng phân tích và áp dụng kiến thức về quản trị và quản lý vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn hành nghề.</p> <p>Về kỹ năng</p> <p>- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;</p> <p>- Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.</p> <p>- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</p> <p>- Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.</p> <p>- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p> <p>Kỹ năng cứng</p> <p>- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng làm việc độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực thiết kế kiến trúc và đồ thị;</p> <p>- Thực hành, nghiên cứu, giảng dạy, thuyết</p> | <p>Về kỹ năng</p> <p>S1: Thực hiện thành thạo kỹ năng nghiên cứu khoa học, phân tích, phân tích và tổng hợp nhằm giải quyết một cách khoa học các vấn đề liên quan đến chuyên môn và chuyên ngành liên quan đến kiến trúc.</p> <p>S2: Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền đạt vấn đề, chuyển tải phổ biến kiến</p> | <p>3. Tiến hành nghiên cứu học thuật và chuyên nghiệp phù hợp để truy cập và phân tích các thông tin đa dạng cần thiết để đưa ra quyết định thiết kế thông minh, chiến lược.</p> <p>4. Truyền đạt thông tin và ý tưởng đến đối tượng khán giả đa dạng qua các kỹ thuật</p> | <ul style="list-style-type: none"> Nhìn ra thấy cấu trúc không gian và vật liệu của mọi công trình kiến trúc; Tiến hành phân tích không gian và phân tích ý tưởng thiết kế; Hiểu các loại bản vẽ kiến trúc cơ bản; Phân tích sâu các thiết kế tiền lệ (khả năng phân tích | <p>Tương đồng:</p> <p>Phát triển kỹ năng phân tích, là kỹ năng mạnh nhất của thực sỹ Kiến trúc. Đối với các trường nước ngoài, sự tương đồng thấy rõ ở yếu tố thực hành công nghệ.</p> <p>Khác biệt:</p> <p>Đối với cơ sở đào tạo trong nước: CTDT của NTTU đây</p> |
|---|---|---|--|---|---|

| | | | | | |
|--|--|---|--|---|---|
| <p>sử dụng sáng tạo và nghiên cứu phát triển các chương trình và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kiến trúc.</p> | <p>trình các vấn đề về kiến trúc và đô thị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện và đặt ra các vấn đề kiến trúc và đô thị gắn kết với thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá để giải quyết; - Biết lựa chọn khung mẫu lý thuyết phù hợp để nghiên cứu vấn đề; xác định được cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu cần vận dụng; - Biết xây dựng đề cương chi tiết để hiện thực hoá kế hoạch nghiên cứu kiến trúc và đô thị; - Biết cách lựa chọn và xử lý, làm việc với các tài liệu, từ sự tổng quan tài liệu xây dựng được quan điểm định hướng thiết kế và giải quyết vấn đề; - Biết vận dụng các phương pháp định tính và định lượng để thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu bằng các chương trình phần mềm xử lý số liệu định tính và định lượng (thống kê); - Biết phân tích dữ liệu, nêu và kiểm tra các giả thuyết, trả lời các câu hỏi nghiên cứu, từ đó có thể lập luận và giải thích hợp lý các vấn đề mới nảy sinh trong kiến trúc và đô thị; - Từ những kết quả nghiên cứu lý thuyết, so sánh giữa lý luận và thực tiễn có thể nêu các giải pháp, khuyến nghị để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn; | <p>thức, thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn và phát triển nghệ nghiệp.</p> <p>S3: Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật, nghiên cứu khoa học và quản lý kỹ thuật chuyên ngành.</p> <p>S4: Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các dự án chuyên ngành và liên ngành; hướng dẫn và giám sát những</p> | <p>trình bày hình ảnh, trò chuyện và viết.</p> <p>5. Nhận biết và hiểu rõ nguyên tắc của một loạt công nghệ thích hợp và cách áp dụng chúng một cách phù hợp trong nghệ kiến trúc.</p> | <p>kiến trúc) và áp dụng phân tích này vào các đề xuất thiết kế mới;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng các công cụ kỹ thuật số và tương tự có sự kiểm soát, có tính đặc thù và cho nhiệm vụ phù hợp; • Đáp ứng các ràng buộc và quy trình kiến trúc; hiểu mục đích của việc lặp lại, biến thể và thử nghiệm; • Làm việc | <p>manh kỹ năng sáng tạo và kiểm soát công nghệ, update công nghệ mới thay đổi hàng ngày (đặc thù ngành Kiến trúc) (S3)</p> |
|--|--|---|--|---|---|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | <p>- Biết cách trình bày tóm tắt các kết quả nghiên cứu qua báo khoa học, hoặc dưới dạng bài báo, chuyên khảo;</p> <p>- Biết quy tụ nhân lực để thiết lập, tổ chức, điều hành các nhóm làm việc hoạt động hiệu quả;</p> <p>- Dù khả năng về tri thức và phương pháp làm việc để hướng dẫn sinh viên, kiến trúc sư;</p> <p>- Có khả năng tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án kiến trúc và đô thị với tư cách là người tư vấn, chuyên gia góp ý;</p> <p>- Tuy vị trí công tác có thể tham gia xây dựng và phân bổ các chính sách phát triển kiến trúc và đô thị ở các cấp địa phương và trung ương.</p> <p>Kỹ năng mềm</p> <p>* <i>Kỹ năng cá nhân</i></p> <p>- Biết đề xuất và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, công bố kết quả nghiên cứu;</p> <p>- Có kỹ năng thu thập thông tin khoa học, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, cập nhập tri thức, các hướng thực hành thiết kế kiến trúc và đô thị mới trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiểu biết của bản thân và ứng dụng vào công tác chuyên môn;</p> | <p>người khác thực hiện những nhiệm vụ xác định; năng lực lập kế hoạch, quản lý và điều phối các nguồn lực.</p> | <p>trong một nhóm kiến trúc, thương lượng và thỏa hiệp trong việc phát triển và giải quyết ý tưởng thiết kế;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu thành phố như một cấu trúc; • Sử dụng cơ bản các chương trình thiết kế kỹ thuật số. | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|---|--|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng thích ứng linh hoạt và chủ động sáng tạo trước sự thay đổi của lĩnh vực kiến trúc và đô thị, cũng như môi trường công tác; - Có kỹ năng truyền đạt thông tin, tự tin trình bày kết quả nghiên cứu tại diễn đàn khoa học các cấp. * <i>Kỹ năng làm việc theo nhóm</i> - Có khả năng phối kết hợp trong việc đề xuất, xây dựng đề cương, kế hoạch, triển khai thực hành và nghiên cứu kiến trúc và đô thị, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả làm việc. * <i>Kỹ năng quản lý và lãnh đạo</i> - Có khả năng huy động nhân lực của tổ chức để hoàn thành các nhiệm vụ dài hạn và ngắn hạn của các cấp khác nhau; - Có khả năng ứng biến dẫn dắt tập thể tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ khi có sự thay đổi của các điều kiện và môi trường làm việc nói chung. * <i>Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành</i> - Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo | | | |
|--|---|--|--|--|

| | | | | |
|---|---|---|--|--|
| <p>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>A1: Thực hành công tác quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p> <p>A2: Phát triển trong nghiên cứu, học tập, có thể đưa ra những sáng kiến quan trọng và sắp xếp đề người khác cùng thực hiện. Có</p> | <p>cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phân biệt một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ.</p> <p>* <i>Kỹ năng tin học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tốt các phần mềm tin học văn phòng (Microsoft Word, Excel, Power Point...); - Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành (vẽ 2D, 3D, xử lý hậu kỳ,...) <p>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; - Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn; - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn | <p>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>C1: Tự chủ trong công tác quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p> <p>C2: Tuân thủ pháp luật; có ý thức trách nhiệm, đóng góp mang tính chuyên gia cho nghề nghiệp, cộng đồng, xã hội</p> | <p>6. Duy trì sự tò mò về mặt trí tuệ, luôn cố gắng thông qua học tập tự học để đổi mới trong ngành kiến trúc.</p> <p>7. Tổng hợp một loạt các vấn đề và góc nhìn cục bộ, quốc gia và quốc tế có ảnh hưởng đến việc tạo ra và thực hành kiến trúc.</p> <p>8. Hiểu và trân trọng sự đa dạng về văn hóa và về mặt vật lý, đồng</p> | |
|---|---|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| <p>tính thân năng cao trình độ và học tập suốt đời.</p> <p>A3: Thực hành các quy định của pháp luật; có thái độ và trách nhiệm đúng đắn với nghề nghiệp, cộng đồng và xã hội.</p> | | <p>và môi trường.</p> <p>C3: Có năng lực tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo tự học tập suốt đời.</p> | <p>thời đánh giá sự quan trọng của nó trong việc tạo ra kiến trúc.</p> <p>9. Thể hiện phương pháp chuyên nghiệp và đạo đức trong việc tạo ra kiến trúc; làm việc độc lập và trong nhóm; tạo ra kiến thức trong bối cảnh học thuật, sáng tạo và/hoặc chuyên nghiệp thông qua sự điều tra phản biện, nghiên cứu và phát triển dự án. Những khoản phí bổ sung cho khóa học Có thể yêu cầu sinh viên mua một số sách giáo trình và các tài liệu học tập cần thiết. Sinh viên</p> | |
|--|--|--|--|--|

| | | | | |
|---|--|--|--|--|
| | | | <p>cũng có thể phải trả chi phí bổ sung trong quá trình thực tập tại nơi thực tế hoặc trong lĩnh vực chuyên ngành.</p> | |
| <p>KẾT LUẬN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR của NTTU có nhiều điểm tương đồng với CDR của các trường khác trong nước. CDR của NTTU được lập theo yêu cầu, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - CDR của NTTU đảm bảo được việc đào tạo chuyên môn sâu Kiến trúc và tính kết nối liên ngành như văn hóa, bảo tồn, thiết kế đô thị, quy hoạch và quản lý đô thị. - Các nội dung đối sánh được chuyển tải vào trong CTĐT, cụ thể: Đề tạo nét đặc thù và khác biệt: Các học phần không rập khuôn những CTĐT đi trước, Hình thành các HỌC PHẦN MỚI: Di sản, Đồ án NC ứng dụng; Hình thành ý tưởng; PPL Sáng tạo trong thiết kế. - Phương pháp đào tạo của NTTU đáp ứng nhu cầu đào tạo theo hướng Ứng dụng, các học phần đều được giảng dạy theo hình thức kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đưa công tác thực tiễn vào nội dung đào tạo. Tiếp cận các dự án chuyên nghiệp (các HP mang tính thực hành). Đào tạo kỹ năng TƯƠNG THÍCH với yêu cầu, nhu cầu của các văn phòng thiết kế chuyên nghiệp. Đề cương học phần: Các Học phần kết hợp thực hiện trên các dự án có thực, khu đất thực tế với đề bài thực tế. Học viên tham gia công tác tư vấn như đối với văn phòng tư vấn thực | | | | |

III. NHỮNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM MÀ NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP CÓ THỂ ĐẢM NHIỆM

- Đảm nhận các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các công ty, xí nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp nhà nước hoặc tư nhân trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng.
- Hành nghề tư vấn, thiết kế kiến trúc trong các công ty, đơn vị tư vấn thuộc lĩnh vực kiến trúc, xây dựng.
- Tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo đại học chuyên ngành kiến trúc.
- Tham gia nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành kiến trúc.

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ VÀ NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Thạc sĩ Kiến trúc có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu để đạt được học vị Tiến sĩ kiến trúc hoặc Tiến sĩ Quản lý đô thị và công trình, hoặc Tiến sĩ Quy hoạch vùng và đô thị (nếu có bằng đại học là Kiến trúc sư quy hoạch) tại các cơ sở đào tạo ở trong nước và quốc tế.

V. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐÃ THAM KHẢO

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Quyết định số 318/QĐ-NTT, ngày 25/03/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy định về mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kiến trúc (Master of Architecture) của Trường ĐH Melbourne - Australia
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kiến trúc (Master of Architecture) của Trường ĐH Curtin - Australia;
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kiến trúc của Trường Đại học Kiến trúc HCM;
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kiến trúc của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

HIỆU TRƯỞNG



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh Nguyễn